



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09 - 09
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 42



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao cấp trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03/08/2016) và vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 50.161.240.000 đồng.

Trụ sở của Công ty: 246 Khu phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3.658.278

Fax: 0274.3.625.379

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/03/NQHĐQT ngày 09/03/2017, Công ty đã tiến hành thành lập Chi nhánh Bình Phước tại ấp 1, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chi nhánh Bình Phước – Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh 3700762464-002 đăng ký lần đầu ngày 13/03/2017 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hoạt động chính của Công ty:

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

Hội đồng quản trị Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	23/04/2016	Tái bổ nhiệm
- Ông Huỳnh Thanh Sơn	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016	Tái bổ nhiệm
- Ông Phạm Ngũ Cơ	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016	Tái bổ nhiệm
- Ông Trần Thiện Thế	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016	Tái bổ nhiệm
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016	-

Ban giám đốc Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Giám đốc	05/12/2014	
- Ông Trương Văn Hiện	Việt Nam	Phó Giám đốc	05/12/2014	

Ban kiểm soát:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	23/04/2016	Tái bổ nhiệm
- Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Việt Nam	Thành viên	23/04/2016	Tái bổ nhiệm
- Bà Trần Thị Thu Hương	Việt Nam	Thành viên	23/04/2016	-

Kế toán trưởng:

<u>Ho và tên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Hứa Ngọc Chính	Việt Nam	01/12/2006

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác soát xét cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thanh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính soát xét đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2017

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



MAI VĂN CHÁNH



Số: 483 /TC/2017/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 08 năm 2017 từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực Việt Nam, và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.169.724.924	37.023.602.474
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	1.431.689.330	12.571.015.504
1. Tiền	111		1.431.689.330	3.071.015.504
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	9.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.2	-	6.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.045.911.917	1.919.373.905
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.3	1.978.461.917	1.725.553.816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.750.000	48.731.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.4.1	9.700.000	145.088.889
IV. Hàng tồn kho	140		13.956.500.545	16.366.689.080
1. Hàng tồn kho	141	6.5	13.956.500.545	16.366.689.080
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		735.623.132	166.523.985
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.6.1	455.995.232	157.707.619
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	6.11	249.101.204	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	6.11	30.526.696	8.816.366
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.197.256.184	37.803.942.008
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		312.603.127	283.228.792
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.4.2	312.603.127	283.228.792
II. Tài sản cố định	220		6.631.110.347	6.386.145.693
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.7	6.631.110.347	6.386.145.693
- Nguyên giá	222		21.470.936.844	20.380.716.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.839.826.497)	(13.994.571.151)
III. Tài sản dài hạn khác	260		58.253.542.710	31.134.567.523
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.6.2	57.752.145.254	30.561.834.215
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8.1	501.397.456	572.733.308
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		83.366.981.108	74.827.544.482

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

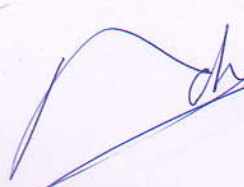
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.728.109.401	8.220.586.091
I. Nợ ngắn hạn	310		16.275.515.260	7.802.751.032
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.9	2.075.302.200	2.115.636.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.10	524.013.820	113.604.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.11	3.317.382.810	3.864.610.219
4. Phải trả người lao động	314		541.096.419	61.668.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.12	223.858.381	213.054.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.13	1.041.322.601	451.958.340
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.14	7.949.000.000	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		603.539.029	982.218.771
II. Nợ dài hạn	330		452.594.141	417.835.059
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	6.8.2	-	29.017.778
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	6.15	452.594.141	388.817.281
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.638.871.707	66.606.958.391
I. Vốn chủ sở hữu	410	6.16	66.638.871.707	66.606.958.391
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.161.240.000	50.161.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.161.240.000	50.161.240.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(730.457.045)	(730.457.045)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.476.957.199	8.009.876.602
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.731.131.553	9.166.298.834
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		473.202.939	473.202.939
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		1.257.928.614	8.693.095.895
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		83.366.981.108	74.827.544.482

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Hứa Ngọc Chính

Hứa Ngọc Chính

Đỗ Thành Lộc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	23.504.993.377	27.986.722.356
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		23.504.993.377	27.986.722.356
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	16.244.214.686	16.977.467.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.260.778.691	11.009.254.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	154.507.640	156.149.056
7. Chi phí tài chính	22		12.298.981	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.298.981	31.991.356.296
8. Chi phí bán hàng	25	7.4	77.158.454	52.877.824
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.5	2.084.576.582	2.615.961.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		5.241.252.314	8.496.564.730
11. Thu nhập khác	31	7.6	681.820	1.554.545
12. Chi phí khác	32	7.7	564.916	1.009.267.470
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		116.904	(1.007.712.925)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.241.369.218	7.488.851.805
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	1.005.955.770	1.641.088.115
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.10	42.318.074	(143.317.754)
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.193.095.374	5.991.081.444
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.11	706	1.004
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.12	706	1.004

Bình Dương, ngày 12 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu



Hứa Ngọc Chính

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính



Đỗ Thành Lộc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		27.021.607.819	30.775.864.456
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(8.570.946.382)	(12.504.141.142)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.293.573.000)	(4.708.532.000)
4- Tiền lãi vay đã trả	04		(12.298.981)	
5- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.245.697.952)	(1.598.960.449)
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		157.800.401	287.324.917
7- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(6.645.672.673)	(3.766.774.778)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.411.219.232	8.484.781.004
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(28.308.855.135)	(1.837.759.999)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			-	50.000.000
3- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	-
4- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		299.596.529	157.993.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.009.258.606)	(1.629.766.498)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1- Tiền thu từ đi vay	33		11.950.000.000	-
2- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.001.000.000)	-
3- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.490.286.800)	(3.398.768.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.458.713.200	(3.398.768.584)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(11.139.326.174)	3.456.245.922
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.1	12.571.015.504	9.690.679.792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	6.1	1.431.689.330	13.146.925.714

Người lập biểu

Hứa Ngọc Chính

Kế toán trưởng

Hứa Ngọc Chính

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Giám đốc

Đỗ Thành Lộc



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03/08/2016) với vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 50.161.240.000 đồng.

Ngành, nghề kinh doanh:

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác, khai thác cát xây dựng giữa các lớp sét tại mỏ sét.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc vào ngày 31/12/2007. Các niên độ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được ban hành theo thông tư 200, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

5. Các chính sách kế toán áp dụng

5.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản Tiền gửi ngân hàng, Phải thu bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua và các khoản phải trả bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.

5.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông quan bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5.4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12	năm
Máy móc, thiết bị	08	năm
Thiết bị văn phòng	08	năm
Phương tiện vận tải	08	năm

5.5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

5.7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

5.8. Ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5.9. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong nhiều năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 1 tại khu vực mỏ sét được phân bổ trên cơ sở tổng sản lượng được phép khai thác và sản lượng thực tế khai thác. Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 2 (chưa khai thác) thì chưa phân bổ chi phí này.

5.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận cổ tức : Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Trong kỳ, Công ty tạm phân phối lợi nhuận cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thưởng ban quản lý điều hành công ty, Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông (TM 6.14.1. Vốn chủ sở hữu).

5.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

5.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

6 .1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt (VND)	723.580.512	591.434.237
- Tiền gửi ngân hàng	708.108.818	2.479.581.267
+ Tiền gửi (VND)	706.336.204	2.477.808.653
+ Tiền gửi (USD)	1.772.614	1.772.614
- Các khoản tương đương tiền	-	9.500.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng</i>	-	<i>9.500.000.000</i>
Cộng	<u>1.431.689.330</u>	<u>12.571.015.504</u>

6 .2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng BIDV	-	2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng OCB	-	4.000.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>6.000.000.000</u>

6 .3 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương	-	1.173.460.365
Đại lý Công Ty TNHH MTV TM DV XD Mai Nguyễn	1.444.152.656	198.847.028
Đại lý Nguyễn Thị Xuân	192.654.736	176.007.528
Đối tượng khác	341.654.525	177.238.895
Cộng	<u>1.978.461.917</u>	<u>1.725.553.816</u>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty Cổ Phần Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương	-	1.173.460.365
---	---	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính giữa niên độ

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.4.1. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	9.700.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	145.088.889	-
+ Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	-	-	145.088.889	-
Cộng	9.700.000	-	145.088.889	-
6.4.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	312.603.127	-	283.228.792	-
+ Ký quỹ phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chanh	312.603.127	-	283.228.792	-
Cộng	312.603.127	-	283.228.792	-

6.5 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	10.037.548.036	-	12.007.203.413	-
- Công cụ, dụng cụ	30.562.480	-	59.478.133	-
- Chi phí SXKD dở dang	152.920.453	-	463.428.300	-
- Thành phẩm	3.735.469.576	-	3.836.579.234	-
Cộng	13.956.500.545	-	16.366.689.080	-

Ghi chú:

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ và đầu kỳ;
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ và đầu kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
6.6.1. Ngắn hạn		
- Chi phí bốc dỡ đất tầng phủ, khai mương, đắp đê tại mỏ sét Đồng Chanh	229.951.042	157.707.619
- Tiền thuê đất	118.023.642	-
- Chi phí phát sinh tại Chi nhánh Bình Phước	108.020.548	-
Cộng	<u>455.995.232</u>	<u>157.707.619</u>
6.6.2. Dài hạn		
- Chi phí đền bù mua đất mỏ sét Đồng Chanh	56.402.571.410	29.962.483.499
<i>Trong đó, chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của khu vực mỏ chưa khai thác (giai đoạn 2), chưa phân bổ chi phí.</i>	<i>48.557.133.419</i>	<i>20.602.671.500</i>
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn XDCB mỏ sét Đồng Chanh	288.224.468	343.866.012
- Chi phí pallet chất xếp sản phẩm	-	10.312.500
- Chi phí thay tole nhựa coposite trại phơi sấy	110.054.793	92.597.954
- Chi phí di dời cát kẹp tại mỏ sét	30.113.940	62.454.802
- Chi phí sửa chữa	105.292.700	90.119.448
- Chi phí làm bờ kè máy xay đá tại chi nhánh Bình Phước	815.887.943	-
Cộng	<u>57.752.145.254</u>	<u>30.561.834.215</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Châm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6.7 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	13.617.524.039	5.935.974.478	795.818.182	31.400.145	-	20.380.716.844
Số tăng trong kỳ	-	-	1.090.220.000	-	-	1.090.220.000
- Mua trong kỳ	-	-	1.090.220.000	-	-	1.090.220.000
Số giảm trong kỳ (Thanh lý)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	13.617.524.039	5.935.974.478	1.886.038.182	31.400.145	-	21.470.936.844
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.678.933.599	4.066.029.189	218.208.218	31.400.145	-	13.994.571.151
Số tăng trong kỳ	572.935.626	216.902.853	55.416.867	-	-	845.255.346
- Khấu hao trong kỳ	572.935.626	216.902.853	55.416.867	-	-	845.255.346
Số giảm trong kỳ (Thanh lý)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.251.869.225	4.282.932.042	273.625.085	31.400.145	-	14.839.826.497
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.938.590.440	1.869.945.289	577.609.964	-	-	6.386.145.693
Tại ngày cuối kỳ	3.365.654.814	1.653.042.436	1.612.413.097	-	-	6.631.110.347

Ghi chú:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
: Không có	Không có	Không có
: 2.792.050.309	2.792.050.309	2.485.287.488
: Không có	Không có	Không có
: Không có	Không có	Không có
: Không có	Không có	Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.8 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
6.8.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời		
+ Chi phí phục hồi môi trường mỏ sét	452.594.140	388.817.281
+ Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.054.393.142	2.261.795.260
+ Trích trước chi phí phải trả khác	-	213.054.000
Cộng	2.506.987.282	2.863.666.541
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>501.397.456</u>	<u>572.733.308</u>
6.8.2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời		
+ Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	-	145.088.889
Cộng	-	145.088.889
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>-</u>	<u>29.017.778</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính giữa niên độ

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN Trọng Phát Công Ty TNHH MTV Hoàng Khánh Ngọc	150.840.126	150.840.126	1.227.961.023	1.227.961.023
Công Ty TNHH MTV Đặng Ngọc Diễm Phương	318.400.500	318.400.500	371.968.300	371.968.300
Công ty TNHH Việt Trí	93.759.040	93.759.040	249.563.241	249.563.241
Công ty TNHH MTV Hùng	239.848.400	239.848.400	-	-
Đối tượng khác	204.187.500	204.187.500	-	-
Đối tượng khác	235.115.434	235.115.434	102.769.418	102.769.418
Bên liên quan :				
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bình Dương	833.151.200	833.151.200	163.375.000	163.375.000
	2.075.302.200	2.075.302.200	2.115.636.982	2.115.636.982

6 .10 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cty TNHH MTV SX Gạch tuynel Như Ý	8.831.000	8.831.000	40.779.000	40.779.000
Công Ty TNHH MTV Gạch Tuynel Hoàng Anh	93.596.000	93.596.000	70.000	70.000
Cty TNHH Gạch Tuynel Liên Hiệp Đồng Nai	62.872.000	62.872.000	-	-
Cty TNHH MTV Gạch Tuynel Hồng Phát Đồng Nai	-	-	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH Trần Nhẹ	10.140.000	10.140.000	23.124.000	23.124.000
Các đối tượng khác	82.522.869	82.522.869	19.631.720	19.631.720
Bên liên quan :				
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bình Dương	266.051.951	266.051.951	-	-
Cộng	524.013.820	524.013.820	113.604.720	113.604.720

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Châm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6 .11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp		
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ tại Bình Phước	-				249.101.204	249.101.204		
Thuế giá trị gia tăng tại Bình Dương			113.955.165	1.873.345.650	1.613.246.917		374.053.898	
Thuế thu nhập doanh nghiệp			1.010.697.952	1.005.955.770	1.245.697.952		770.955.770	
Thuế tài nguyên			438.075.842	928.940.014	1.260.833.856		106.182.000	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất			-	236.047.296	236.047.296		-	
Phí bảo vệ môi trường			40.086.000	106.006.300	134.294.300		11.798.000	
Tiền cấp quyền khai thác			2.261.795.260	331.183.953	538.586.071		2.054.393.142	
Thuế môn bài			-	-	-		-	
Tiền thuế đất			-	-	-		-	
Thuế thu nhập cá nhân	8.816.366		86.171.589	107.881.919	107.881.919	30.526.696		
Cộng	8.816.366	3.864.610.219	4.567.650.572	5.385.689.515	279.627.900	3.317.382.810		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính giữa niên độ

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí gia công xây đá	147.036.462	-
- Chi phí lãi vay phải trả	76.821.919	-
- Chi phí khác	-	213.054.000
Cộng	223.858.381	213.054.000

6 .13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	13.854.960	13.854.960
- Kinh phí công đoàn	42.998.160	44.423.770
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	984.469.481	393.679.610
+ Thuế TNCN phải nộp hộ người chuyển nhượng quyền sử dụng đất mở sết	949.845.410	393.679.610
+ Khác	34.624.071	-
Cộng	1.041.322.601	451.958.340

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6.14 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Bình Dương (1)	949.000.000	949.000.000	949.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (2)	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
Cộng	7.949.000.000	7.949.000.000	7.949.000.000	-	-	-

(1) Hợp đồng thấu chi số: 03/2017/1431711/HĐTD ngày 27/03/2017

Hạn mức thấu chi: 950.000.000 VNĐ (Chín trăm năm mươi triệu đồng)

Mục đích: Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời

Tài sản bảo đảm: Theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số: 03/2017/1431711/HĐBĐ ngày 27/03/2017 là: 'Số tiền gửi có số TK 65010002610041, mệnh giá: 1.000.000.000 VNĐ, ngày gửi: 22/03/2017, ngày đáo hạn: 22/03/2018 (tiền gửi của tổ chức công đoàn của Công ty).

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 11/04/2017

Lãi suất: 7,2%/Năm

(2) Hợp đồng vay vốn số: 10/HĐCV-NN17

Hạn mức vay: 7.000.000.000 VNĐ (Bảy tỷ đồng)

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng mở sét Đồng Chính 2

Thời hạn vay: 9 tháng kể từ ngày 10/05/2017

Lãi suất: 8%/Năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .15 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

- Chi phí cải tạo phục hồi môi trường mỏ sét

Cộng

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
452.594.141	388.817.281
452.594.141	388.817.281



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6 .16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**6.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01.01.2016	46.683.000.000	(730.457.045)	6.845.362.752	7.430.167.939	60.228.073.646
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	5.991.081.444	5.991.081.444
- Tăng vốn trong kỳ	3.478.240.000	-	-	(3.478.240.000)	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(984.989.665)	(984.989.665)
+ <i>Quý khen thưởng, phúc lợi, thưởng BQL</i>	-	-	-	(641.687.078)	-
+ <i>Quý đầu tư phát triển</i>	-	-	641.687.078	(3.478.725.000)	(3.478.725.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01.07.2016	50.161.240.000	(730.457.045)	7.487.049.830	4.837.607.640	61.755.440.425
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	5.654.057.062	5.654.057.062
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(802.539.096)	(802.539.096)
+ <i>Quý khen thưởng, phúc lợi, thưởng BQL</i>	-	-	-	(522.826.772)	-
+ <i>Quý đầu tư phát triển</i>	-	-	522.826.772	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01.01.2017	50.161.240.000	(730.457.045)	8.009.876.602	9.166.298.834	66.606.958.391
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	4.193.095.374	4.193.095.374
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(670.895.258)	(670.895.258)
+ <i>Quý khen thưởng, phúc lợi, thưởng BQL</i>	-	-	-	(7.467.080.597)	-
+ <i>Quý đầu tư phát triển</i>	-	-	7.467.080.597	(3.490.286.800)	(3.490.286.800)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30.06.2017	50.161.240.000	(730.457.045)	15.476.957.199	1.731.131.553	66.638.871.707

Trong 06 tháng đầu năm 2017, công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế của 06 tháng đầu năm 2017 cho quý đầu tư phát triển, quý khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty CP VL và XD Bình Dương	15.000.120.000	15.000.120.000
- Cổ phiếu quỹ (mệnh giá)	300.000.000	300.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	34.861.120.000	34.861.120.000
Cộng	50.161.240.000	50.161.240.000

6.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.161.240.000	46.683.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	3.478.240.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	50.161.240.000	50.161.240.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia (bao gồm cổ phiếu)	3.490.286.800	6.956.965.000

6.16.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.016.124	5.016.124
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.016.124	5.016.124
+ Cổ phiếu phổ thông	5.016.124	5.016.124
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	30.000	30.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000	30.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.986.124	4.986.124
+ Cổ phiếu phổ thông	4.986.124	4.986.124
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu*

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.16.5. Cổ tức

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông :		
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu :	không phát sinh	7.5%/ cổ phiếu
- Trả cổ tức bằng tiền mặt :	7.0%/ cổ phiếu	7.5%/ cổ phiếu
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi :	không phát sinh	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi :	không phát sinh	không phát sinh

6.16.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	15.476.957.199	8.009.876.602

6.17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**6.17.1. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	78,02	78,02
- EUR	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
DOANH THU		
- Doanh thu bán gạch ngói	18.659.917.656	24.363.839.005
- Doanh thu bán đất sét, cát xây dựng	4.688.503.541	3.617.641.201
- Doanh thu bán hàng hóa	-	5.242.150
- Doanh thu bán đá xây dựng tại CN Bình Phước	138.606.680	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.965.500	-
Cộng	23.504.993.377	27.986.722.356
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (Cổ đông lớn)	7.794.054.877	8.707.299.617
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	-	-
DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	23.504.993.377	27.986.722.356

7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Giá vốn sản phẩm gạch ngói	13.008.555.462	14.293.122.147
- Giá vốn đất sét, cát kẹp	3.091.702.636	2.679.118.269
- Giá vốn hàng hóa	-	5.227.273
- Giá vốn đá xây dựng tại CN Bình Phước	125.098.426	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	18.858.162	-
Cộng	16.244.214.686	16.977.467.689

7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Lãi tiền gửi	154.507.640	139.229.612
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	-	16.919.444
Cộng	154.507.640	156.149.056

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.4 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	62.613.000	61.196.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.545.454	39.454.544
- Chi phí bằng tiền khác	-	(47.772.720)
Cộng	77.158.454	52.877.824

7.5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1.440.937.647	1.898.710.263
- Chi phí vật liệu quản lý	9.435.481	25.374.491
- Chi phí đồ dùng văn phòng	772.727	37.652.728
- Chi phí khấu hao TSCĐ	52.188.084	52.188.084
- Thuế, phí, lệ phí	121.183.654	121.023.652
- Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	34.711.000	12.840.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.224.959	162.007.535
- Chi phí bằng tiền khác	298.123.030	306.164.416
Cộng	2.084.576.582	2.615.961.169

7.6 THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Thu nhập khác	681.820	1.554.545
Cộng	681.820	1.554.545

7.7 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Thanh lý tài sản cố định	-	41.316.354
- Chi phí tiền thuê đất bổ sung của các năm trước theo thông báo của tỉnh Bình Dương	-	966.256.366
- Chi phí khác	564.916	1.694.750
Cộng	564.916	1.009.267.470

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.8 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.732.193.790	7.024.706.800
- Chi phí công cụ	53.335.887	55.305.823
- Chi phí nhân công	5.343.097.720	6.335.125.914
- Chi phí khấu hao TSCĐ	845.255.346	798.445.793
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.571.074	2.674.666.529
- Chi phí bằng tiền khác	4.231.485.682	3.147.515.964
Cộng	19.258.939.499	20.035.766.823

7.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu Thuế năm hiện hành	1.005.955.770	1.641.088.115
Cộng	1.005.955.770	1.641.088.115

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.241.369.218	7.488.851.805
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Chênh lệch vĩnh viễn: Tăng (+), Giảm (-)	-	-
Khác	-	-
+ Chênh lệch tạm thời: Tăng (+), Giảm (-)	(211.590.369)	716.588.772

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	5.029.778.849	8.205.440.577
- Thuế TNDN hiện hành tính Trên thu nhập chịu Thuế năm	1.005.955.770	1.641.088.115
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	1.005.955.770	1.641.088.115

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	3.383.889
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(96.333.788)	(280.052.688)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	167.669.640	137.103.823
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(29.017.778)	(3.752.778)
Cộng	42.318.074	(143.317.754)

7.11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.193.095.374	5.991.081.444
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	670.895.258	984.989.665
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.986.124	4.986.124
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	706	1.004

7.12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.193.095.374	5.991.081.444
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	670.895.258	984.989.665
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.986.124	4.986.124
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	706	1.004

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

- Những khoản nợ tiềm tàng: không có
- Những cam kết có ảnh hưởng trọng yếu đến kỳ kế toán sau: không có
- Giải trình lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm trước

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2017 giảm khoảng 30% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu đến từ 2 nguyên nhân sau:

+ Sản lượng sản xuất trong kỳ giảm do phải ngừng sản xuất để sửa chữa lò nung và đơn giá bán sản phẩm gạch ngói giảm làm cho doanh thu trong kỳ giảm khoảng 16%.

+ Giá thành sản phẩm gạch gói tăng 13% nên giá vốn giảm không đáng kể dù sản lượng tiêu thụ giảm 19%. Điều này làm cho biên lợi nhuận gộp 06 tháng đầu năm chỉ đạt 30% trong khi cùng kỳ năm trước là 39%.

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

8.3 Thông tin về các bên liên quan

8.3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Cổ đông lớn

8.3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	< 6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Thu nhập lương, thưởng của HĐQT, BGD	473.678.000	401.100.000
Thù lao của HĐQT và BGD	257.182.000	405.906.000

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong 6 tháng đầu năm 2017 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	7.133.948.049	9.578.029.579
	Đã thu tiền bán sản phẩm	8.573.460.365	8.502.368.367

- Tại ngày 30/06/2017, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	(266.051.951)	1.173.460.365

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

9. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

9.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán hoạt động kinh doanh của Công ty theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét, cát kẹp, khác		Tổng
	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	
Kết quả kinh doanh bộ phận					
- Doanh thu	18.659.917.656	24.363.839.005	4.845.075.721	3.617.641.201	23.504.993.377
- Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
- Giá vốn	13.008.555.462	14.293.122.147	3.235.659.224	2.679.118.269	16.244.214.686
- Lợi nhuận gộp	5.651.362.194	10.070.716.858	1.609.416.497	938.522.932	7.260.778.691
Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					
- Chi phí khấu hao trong kỳ	739.452.627	690.385.857	105.802.719	100.976.604	845.255.346
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong năm	85.521.501	174.773.371	1.605.587.198	1.457.562.524	1.691.108.699
					11.009.239.790
					27.981.480.206
					16.972.240.416
					791.362.461
					1.632.335.895



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

9.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét, cát kẹp, khác		Tổng
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Tài sản bộ phận					
- Tài sản cố định hữu hình					
Nguyên giá	18.239.822.147	18.239.822.147	3.231.114.697	2.140.894.697	20.380.716.844
Hao mòn lũy kế	13.333.174.993	12.592.994.773	1.506.651.504	1.401.576.378	13.994.571.151
Giá trị còn lại	4.906.647.154	5.646.827.374	1.724.463.193	739.318.319	6.386.145.693
- Chi phí trả trước dài hạn					
Giá trị ban đầu	1.610.157.762	1.552.343.762	75.482.137.010	46.658.531.272	48.210.875.034
Phân bổ lũy kế	1.285.979.541	1.359.313.860	14.505.533.555	16.289.726.959	17.649.040.819
Giá trị còn lại	165.322.401	193.029.902	57.586.822.853	30.368.804.313	30.561.834.215
- Tài sản không phân bổ					
- Tổng tài sản					
					83.366.981.108
					74.827.544.482

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như

10.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm nay, các nghiệp vụ bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ là không đáng kể.

Độ nhạy về ngoại tệ

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c. Rủi ro về giá**Rủi ro về giá khác:**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

10.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không có khả năng thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng cụ thể:

+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty Cổ Phần Vật liệu và xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

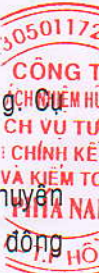
Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

10.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính giữa niên độ

246 Khu phố Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	2.075.302.200	-	-	2.075.302.200
Phải trả người lao động	541.096.419	-	-	541.096.419
Chi phí phải trả	223.858.381	-	452.594.141	676.452.522
Các khoản phải trả khác	1.041.322.601	-	-	1.041.322.601
Cộng	3.881.579.601	-	452.594.141	4.334.173.742
Số đầu năm				
Phải trả người bán	2.115.636.982	-	-	2.115.636.982
Phải trả người lao động	61.668.000	-	-	61.668.000
Chi phí phải trả	213.054.000	-	388.817.281	601.871.281
Các khoản phải trả khác	451.958.340	-	-	451.958.340
Cộng	2.842.317.322	-	388.817.281	3.231.134.603

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

11. Tài sản đảm bảo**11.1. Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 30 tháng 06 năm 2016.

11.2. Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 30 tháng 06 năm 2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.431.689.330	12.571.015.504	1.431.689.330	12.571.015.504
Phải thu khách hàng	1.978.461.917	1.725.553.816	1.978.461.917	1.725.553.816
Trả trước cho người bán	57.750.000	48.731.200	57.750.000	48.731.200
Các khoản phải thu khác	322.303.127	428.317.681	322.303.127	428.317.681
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.075.302.200	2.115.636.982	2.075.302.200	2.115.636.982
Người mua trả tiền trước	524.013.820	113.604.720	524.013.820	113.604.720
Phải trả người lao động	541.096.419	61.668.000	541.096.419	61.668.000
Chi phí phải trả	223.858.381	213.054.000	223.858.381	213.054.000
Các khoản phải trả khác	1.493.916.742	840.775.621	1.493.916.742	840.775.621

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Riêng khoản phải thu khách hàng được công ty đánh giá lại giá trị hợp lý bằng cách giảm trừ khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư dài hạn của Công ty và Công ty chưa có dự định nào để bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	21,8%	49,5%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	78,2%	50,5%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	20,1%	11,0%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	79,9%	89,0%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,10	1,60
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,30	2,60
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,10	4,70
Tỷ suất sinh lợi			
		6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	22,3%	26,8%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	17,8%	21,4%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	6,6%	11,0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	5,3%	8,8%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,3%	9,9%

0385011
CÔNG
 TRÁCH NHIỆM
 ĐÓNG VU T
 AI CHÍNH K
 VÀ KIỂM T
 PHÍA N
 TP HỒ

14. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu trên Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2016 kết thúc ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) soát xét.

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hứa Ngọc Chính

Hứa Ngọc Chính

Đỗ Thành Lộc